

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2021/DS-PT

Ngày: 24 – 02 - 2021

V/v tranh chấp “*Hợp đồng góp hụi và
đòi tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Võ Trung Hiếu.

Bà Lê Thị Hồng Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hồng Chi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Từ Thị Kỳ -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2021/TLPT-DS ngày 05 tháng 01
năm 2021 về tranh chấp “*Hợp đồng góp hụi và đòi tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 207/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020
của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 652/2021/QĐ-PT ngày
27 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Thanh T**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Phạm Hữu T1**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2.2. Bà **Nguyễn Thị Kiều Q**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều Q.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Nguyên đơn bà Võ Thị Thanh T trình bày:

Bà là chủ sạp mua bán còn vợ chồng ông T1, bà Q là người thu hoa chi tại chợ C1, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Từ 2015 - 2016 ông T1, bà Q có nợ bà nhiều lần tiền gồm:

Ngày 27/02/2016 âm lịch sau khi đối chiếu nợ, vợ chồng ông T1, bà Q thiếu bà 95.000.000 đồng. Sau khi đối chiếu, ông T1 có viết và ký tên vào biên nhận nợ bà số tiền 50.000.000 đồng (trong biên nhận ghi tên bà là Dì T2), còn lại 45.000.000 đồng trừ vào tiền hoa chi từ năm 2015 - 2019. Cụ thể năm 2015 - 2016 số tiền 6.000.000 đồng/ năm x 02 năm = 12.000.000 đồng; năm 2016 - 2017 là 15.600.000 đồng; năm 2019 là 15.600.000 đồng và 1.800.000 đồng. Đến tháng 01/2019 vợ chồng ông T1, bà Q không trúng thầu thu hoa chi chợ C1 nên bà phải nộp tiền thu hoa chi cho người quản lý tên T3. Do đó vợ chồng ông T1, bà Q phải trả bà số tiền hoa chi đã thu trước của năm 2019 là 15.600.000 đồng. Như vậy ông T1, bà Q còn nợ bà 65.600.000 đồng. Bà đến nhà nhắc nhiều lần nhưng ông T1, bà Q vẫn không trả tiền.

Bà yêu cầu ông T1, bà Q trả bà 65.600.000 đồng và tính lãi từ ngày 27/02/2016 âm lịch đến ngày 27/01/2020 âm lịch đối với số tiền 50.000.000 đồng theo lãi suất do ngân hàng nhà nước quy định là 50.000.000 đồng x 0,8%/ tháng x 47 tháng = 18.800.000 đồng. Cộng chung là 84.400.000 đồng làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T yêu cầu ông T1 và bà Q phải trả cho bà 50.000.000 đồng tiền nợ hui tính từ ngày 27/02/2016 dương lịch đến 27/01/2020, lãi suất do ngân hàng nhà nước quy định là 50.000.000 đồng x 0,8%/ tháng x 47 tháng = 18.800.000 đồng. Cộng chung là 68.800.000 đồng làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà T rút yêu cầu ông T1 và bà Q phải trả cho bà 15.600.000 đồng tiền góp hoa chi ông T1 và bà Q đã thu trước một năm của bà.

Bị đơn ông Phạm Hữu T1 trình bày:

Ông có chơi hui của bà T (T2), hoàn cảnh khó khăn, làm ăn thua lỗ nên không đóng hui cho bà T, bà T gom tất cả số tiền hui ông thiếu buộc ông viết biên nhận thiếu 50.000.000 đồng. Biên nhận ông có ghi rõ đóng lãi 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Ông thuộc hoàn cảnh nghèo, đã ly hôn vợ và phải nuôi 02 con nhỏ, cha mẹ già, nên xin Tòa án cho ông thực hiện góp hui cho bà T 500.000 đồng/tháng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều Q trình bày:

Bà và ông T1 đã ly hôn, chuyện ông T1 làm hoàn toàn không liên quan đến bà. Bà không liên quan vào vụ kiện hợp đồng góp hui giữa ông T1 và bà T, nên yêu cầu Tòa án không triệu tập bà tham gia tố tụng.

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 207/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 471 Bộ luật dân sự 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thanh T.

- Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thanh T yêu cầu ông Phạm Hữu T1 và bà Nguyễn Thị Kiều Q phải trả cho bà Võ Thị Thanh T 15.600.000 đồng.

- Buộc ông Phạm Hữu T1 và bà Nguyễn Thị Kiều Q phải trả cho bà T 50.000.000 đồng tiền nợ hui và tiền lãi 18.800.000 đồng. Tổng cộng là 68.800.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 31 tháng 10 năm 2020, bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều Q có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu xem xét không buộc bà có trách nhiệm liên đới cùng ông T1 trả nợ cho bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều Q có ý kiến giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Nguyên đơn bà Võ Thị Thanh T và bị đơn ông Phạm Hữu T1 có ý kiến chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Q. Ông T1 có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 68.800.000 đồng theo như quyết định của bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Võ Thị Thanh T với các bị đơn ông Phạm Hữu T1, bà Nguyễn Thị Kiều Q thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 30/9/2020, bị đơn ông Phạm Hữu T1, bà Nguyễn Thị Kiều Q vắng mặt. Bản án sơ thẩm được tổng đạt hợp lệ cho các bị đơn ngày 30/10/2020 (BL: 105, 106), nên đơn kháng cáo của bà Q ngày 31/10/2020 là đúng thời hạn luật định.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét tại phiên tòa sơ thẩm, bà T rút yêu cầu ông T1, bà Q hoàn trả số tiền 15.600.000 đồng thu hoa chi của năm 2019, nên quyết định của bản án sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đòi tài sản của bà T là phù hợp qui định của pháp luật.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Hữu T1 thừa nhận có tham gia chơi hụi và nợ bà T (Dì T2) số tiền 50.000.000 đồng đúng như biên nhận ngày 27/02/2016 (BL: 24, 28). Bà Nguyễn Thị Kiều Q cho rằng, bà và ông T1 sống ly thân từ năm 2015 và ly hôn năm 2017, bà không biết và không sử dụng số tiền ông T1 chơi hụi, nợ hụi của bà T nên không chấp nhận liên đới cùng ông T1 trả nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Bà Q không chịu trách nhiệm liên đới cùng ông T1 trả nợ cho bà T, ông T1 có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền nợ hụi và tiền lãi tổng cộng 68.800.000 đồng theo như quyết định của bản án sơ thẩm.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 207/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ Điều 357, 471 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006; khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thanh T buộc ông Phạm Hữu T1, bà Nguyễn Thị Kiều Q liên đới hoàn trả số tiền 15.600.000 đồng thu hoa chi năm 2019.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Buộc ông Phạm Hữu T1 có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị Thanh T số tiền 50.000.000 đồng nợ hụi và 18.800.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 68.800.000 đồng (*Sáu mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

- Miễn án phí cho ông Phạm Hữu T1 (*Cá nhân thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí*).

- Bà Nguyễn Thị Kiều Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho bà Q 300.000 đồng dự phí đã nộp theo biên lai thu số 0004295 ngày 02/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Hoàn lại cho bà Võ Thị Thanh T 2.110.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003139 ngày 25/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C ;
- Chi cục THADS huyện C ;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Công thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Tuấn